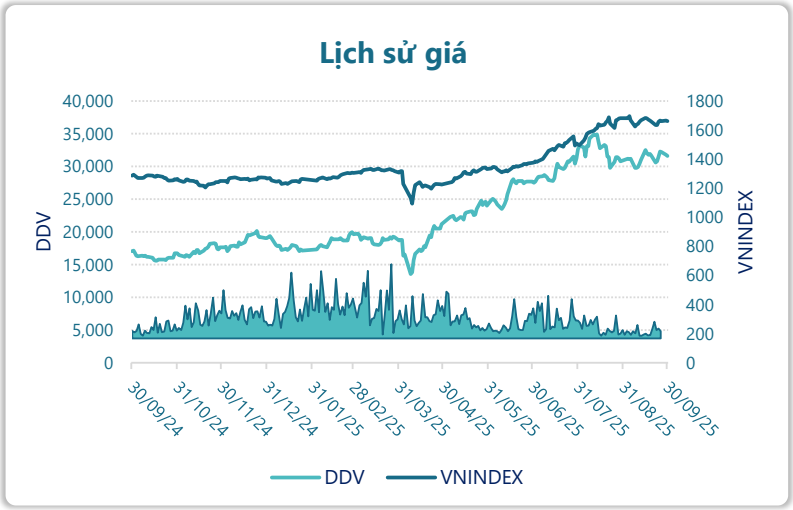
FireAnt

CTCP DAP - VINACHEM (UPCOM: DDV)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,553
SL cổ phiếu LH	146,109,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	770,900
% sở hữu nước ngoài	3.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,617
P/E	8.3
EPS	3,795

DT thuần

Q3/25

1,397

tỷ VNĐ

QoQ: ▼204| -12.8%

YoY: ▲ 642| 85.0%

LN sau thuế

Q3/25

221

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 68.0| 44.5%

YoY: ▲ 201| 989%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

19.8%

+/- YoY: ▲ 16.4%

DT thuần

9T 2025

4,154

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,686| 68.3%

LN sau thuế

9T 2025

496

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 385| 348%

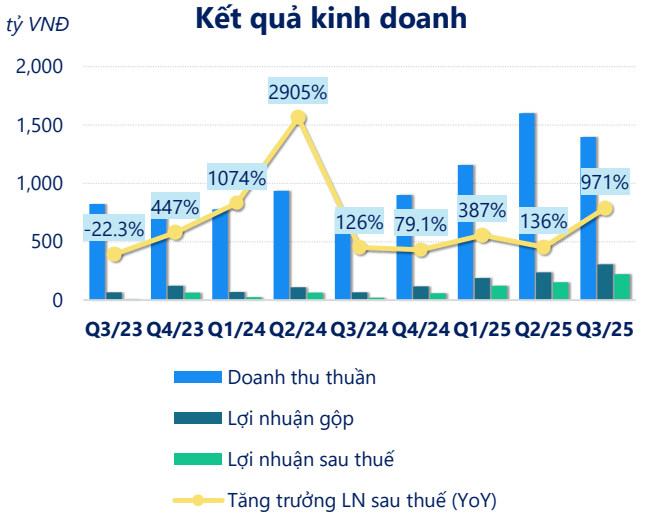
ROE

Q3/25

28.9%

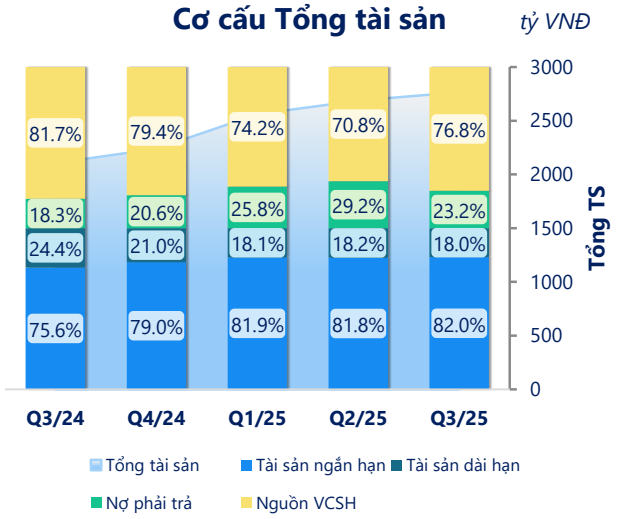
+/- YoY: ▲ 18.5%

Kết quả kinh doanh



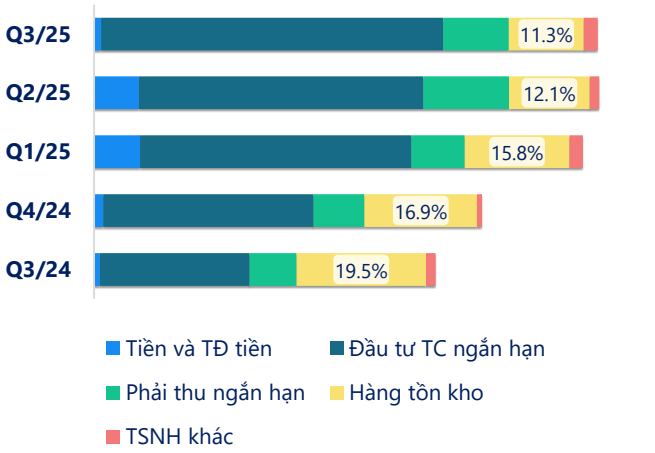
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



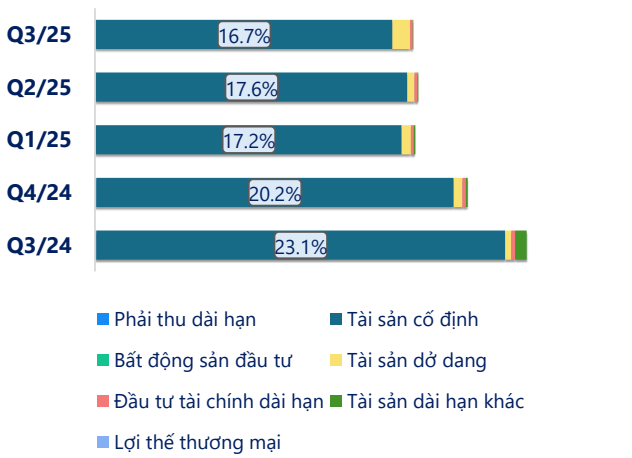
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



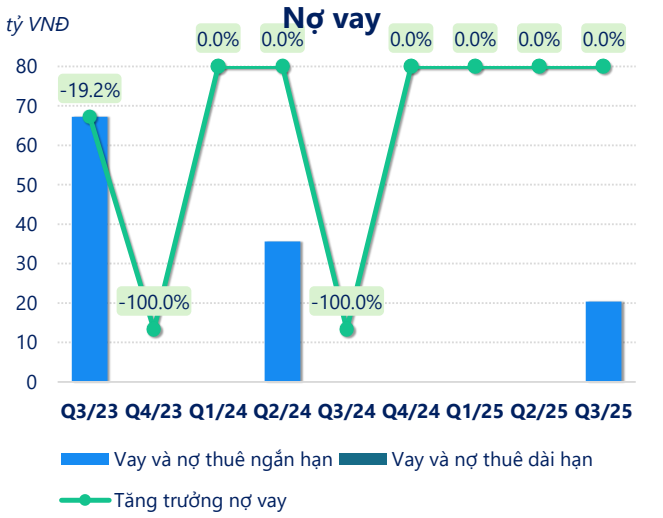
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



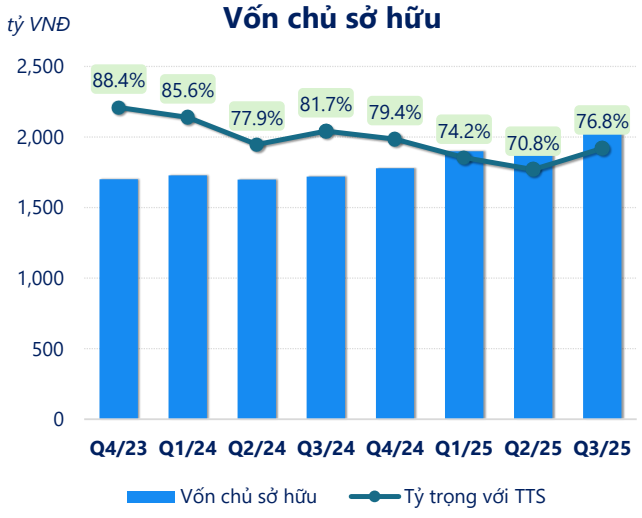
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



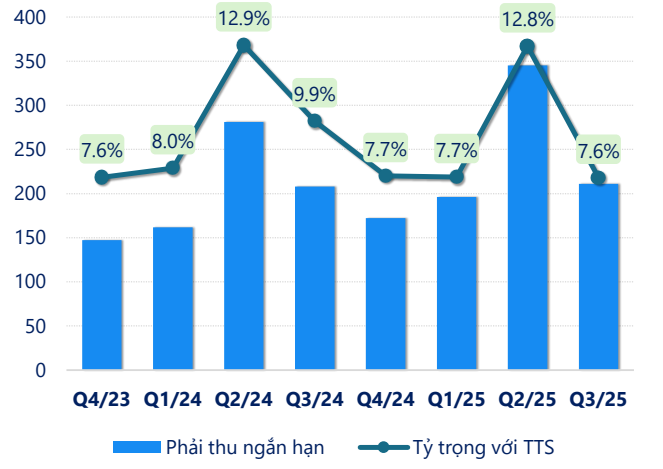
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



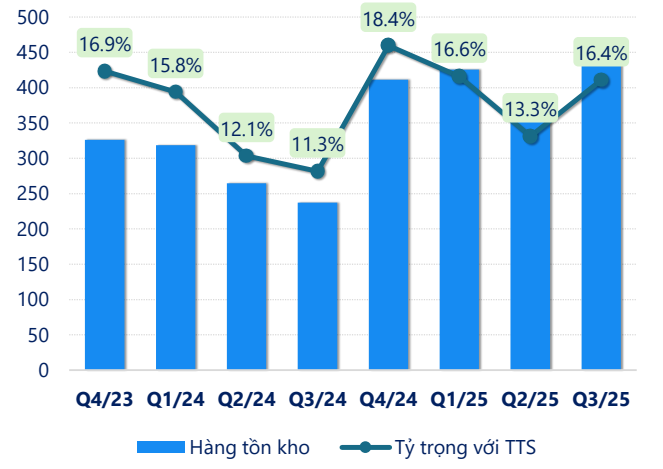
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



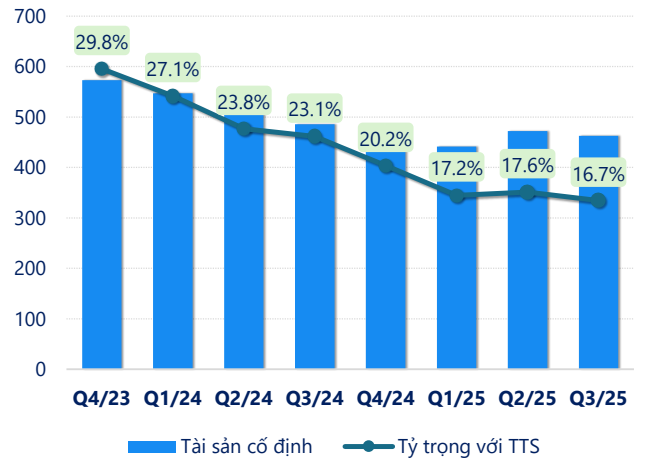
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



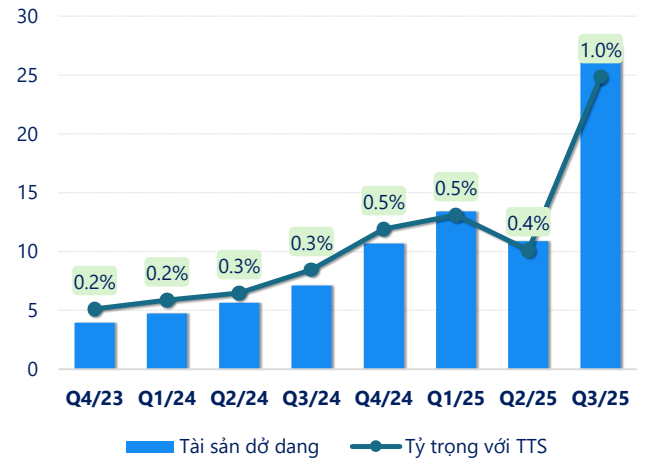
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



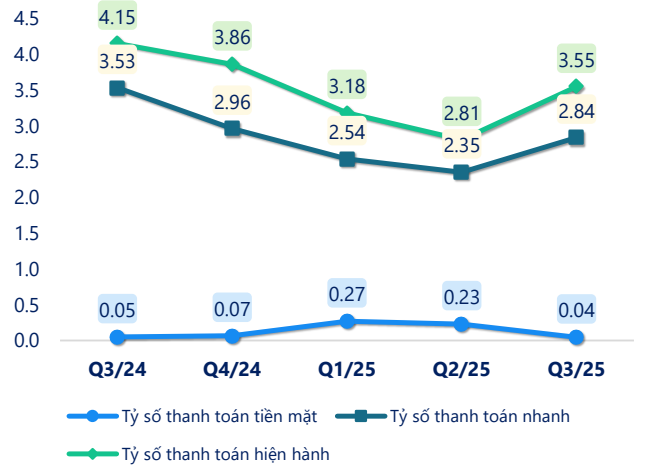
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



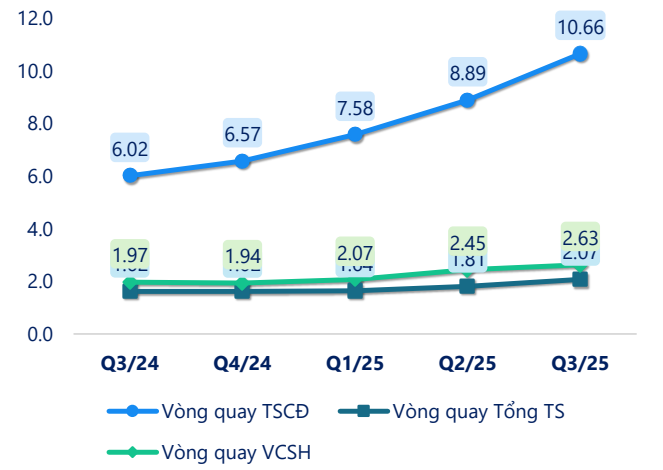
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,105**	**2,238**	**2,560**	**2,688**	**2,766**
Tài sản ngắn hạn	**1,592**	**1,767**	**2,097**	**2,198**	**2,269**
Tiền và tương đương tiền	18.8	30.8	177	181	28.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,084	1,145	1,235	1,275	1,505
Phải thu ngắn hạn	208	172	196	345	211
Hàng tồn kho	237	411	426	356	454
Tài sản ngắn hạn khác	44.5	7.54	63.0	40.7	70.0
Tài sản dài hạn	**513**	**471**	**463**	**490**	**497**
Phải thu dài hạn	1.61	1.61	1.61	1.61	1.61
Tài sản cố định	486	452	441	472	462
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.11	10.7	13.4	10.9	27.5
Đầu tư tài chính dài hạn	4.65	4.65	4.27	4.27	4.27
Tài sản dài hạn khác	13.7	2.33	1.87	1.40	0.93
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**386**	**460**	**661**	**786**	**642**
Nợ ngắn hạn	**384**	**458**	**659**	**783**	**640**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	20.4
Phải trả người bán ngắn hạn	190	298	391	414	220
Nợ dài hạn	2.24	2.24	2.24	2.24	2.24
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,719**	**1,778**	**1,899**	**1,903**	**2,124**
Vốn chủ sở hữu	**1,719**	**1,778**	**1,899**	**1,903**	**2,124**
Vốn điều lệ	1,461	1,461	1,461	1,461	1,461
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)